

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24/01/2022

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tống Thị Diệp.

2. Bà Trần Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 533/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/7/2021, về việc: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thanh X, sinh năm 1979; Địa chỉ: phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Ông Võ Xuân Tú, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Chợ L, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ: phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị Thanh X trình bày có nội dung như sau:

Bà Ngô Thị Thanh X và ông Võ xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 18/11/2014.

Về mâu thuẫn vợ chồng, sau khi kết hôn vợ chồng bà X, ông T về sinh sống tại phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn

gắn được nên dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Khi mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng thì vợ chồng đã sống ly thân, bà X đã chuyển về sinh sống tại số 27 Đặng Vũ H, phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nay bà X xác định không còn tình cảm với ông Võ xuân T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà X được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà X và ông T có một con chung là Võ Tú L, sinh ngày 22/10/2014. Hiện con chung đang ở với bà X và do bà X trực tiếp nuôi dưỡng nên bà X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu L cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Võ xuân T:

Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình lẩn tránh vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh X xin ly hôn ông Võ xuân T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thanh X được ly hôn với ông Võ xuân T.

Về con chung: Giao cháu Võ Tú L, sinh ngày 22/10/2014 cho bà Ngô Thị Thanh X được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Võ xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà X không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ xuân T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T là phù hợp với Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn ông Võ xuân T hiện cư trú và sinh sống tại phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 18/11/2014, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được nên dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Sau đó thì mâu thuẫn phát sinh căng thẳng bà X chuyển về sinh sống tại số 27 Đặng Vũ H, phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và sống ly thân mỗi người một nơi cho đến nay. Nay bà X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên bà X có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Võ xuân T.

Tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương cho biết bà X và ông T là vợ chồng, có cư trú và sinh sống tại phường Tân L, thành phố B được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn sau đó bà X chuyển về sinh sống tại số 27 Đặng Vũ H, phường Tân L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Về mâu thuẫn vợ chồng cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được vì khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và dẫn đến ly hôn thì không thông qua hòa giải tại địa phương nên địa phương không nắm được.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không tham gia tố tụng, cố tình lẩn tránh, nên tình cảm vợ chồng và mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng không hòa giải đoàn tụ được.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà X và ông T đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà X là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Hiện nay bà X đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà X có công việc và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để ổn định cuộc sống của con chung cần giao cháu Võ Tú L, sinh ngày 22/10/2014 cho bà Ngô Thị Thanh X tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Ông Võ xuân T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà X không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thanh X xin ly hôn ông Võ xuân T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Thanh X được ly hôn ông Võ xuân T.

Về con chung: Giao con chung là Võ Tú L, sinh ngày 22/10/2014 cho bà Ngô Thị Thanh X được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Võ xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Ngô Thị Thanh X không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị Thanh X không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[2.]. Về án phí: Bà Ngô Thị Thanh X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà X đã nộp (Đặng Anh T nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 60AA/2021/0004413 ngày 16/7/2021.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. BMT;*
- *CCTHADS TP. B;*
- *UBND p. T, TP. B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh